

Bản án số: **17/2022/DS-ST**

Ngày: 23/02/2022

V/v T/C Hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hứa Văn Khương.

2. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 23/02/2022, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 304/2021/TLST-DS ngày 13/12/2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-DS ngày 17/01/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-DS ngày 10/02/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà **Đặng Thị Đ** (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/11/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T có tham gia hui do bà Đặng Thị Đ làm chủ hui, cụ thể như sau:

Dây 1: Hui tháng 5.000.000 đồng, mở ngày 20/12/2020 âm lịch, gồm 21 phần, bà T tham gia 02 phần, đóng hui sống được 05 lần/phần, đến ngày 20/5/2021 âm lịch thì bà Đ bẻ hui, không khai nữa và thỏa thuận trả cho bà T 50.000.000 đồng.

Dây 2: Hụi tháng 3.000.000 đồng, mở ngày 15/5/2020 âm lịch, gồm 32 phần, bà T tham gia 03 phần, đóng hụi sống được 12 lần/phần, đến ngày 20/5/2021 âm lịch thì bà Đ bẻ hụi, không khai nữa và thỏa thuận trả cho bà T 108.000.000 đồng.

Dây 3: Hụi tháng 3.000.000 đồng, mở ngày 25/02/2019, gồm 29 phần, bà T tham gia 01 phần, bà T hốt vào lần khai cuối, sau khi khấu trừ còn được nhận 70.000.000 đồng.

Tổng số tiền của 03 dây hụi mà bà Đ còn nợ bà T là 228.000.000 đồng, đến nay bà Đ chưa trả cho bà T.

Nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án buộc bà Đặng Thị Đ trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 228.000.000 đồng.

Đối với bị đơn bà Đặng Thị Đ: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, bà Đ đã nhận được các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và ý kiến của bà Đ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, tại phiên tòa các bị đơn bà Đặng Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà T cho rằng, bà là hụi viên đã tham gia 03 dây hụi tháng do bà Đặng Thị Đ làm chủ hụi, cụ thể:

Dây 1, hụi tháng 5.000.000 đồng, mở ngày 20/12/2020 âm lịch, gồm 21 phần, bà T tham gia 02 phần, đóng hụi sống được 05 lần/phần, đến ngày 20/5/2021 âm lịch thì bà Đ bẻ hụi, không khai nữa và thỏa thuận trả cho bà T 50.000.000 đồng.

Dây 2: Hụi tháng 3.000.000 đồng, mở ngày 15/5/2020 âm lịch, gồm 32 phần, bà T tham gia 03 phần, đóng hụi sống được 12 lần/phần, đến ngày 20/5/2021 âm lịch thì bà Đ bẻ hụi, không khai nữa và thỏa thuận trả cho bà T 108.000.000 đồng.

Dây 3: Hụi tháng 3.000.000 đồng, mở ngày 25/02/2019, gồm 29 phần, bà T tham gia 01 phần, bà T hốt vào lần khai cuối, sau khi khấu trừ còn được nhận 70.000.000 đồng.

Tổng số tiền của 03 dây hụi mà bà Đ còn nợ bà T là 228.000.000 đồng, đến nay bà Đ chưa trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đặng Thị Đ đã nhận được các thủ tục tố tụng của Tòa án, biết được nội dung khởi kiện của bà T nhưng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện này nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử cho rằng Hợp đồng góp hụi giữa bà T và bà Đ được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng

không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng, các đương sự là những người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch trên giữa các đương sự là hợp pháp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng góp hụi, bà Đ đã vi phạm nghĩa vụ khi tự ý ngưng hụi và không giao tiền hụi đã hốt cho bà T.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 18, Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phưởng; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên bị đơn bà Đặng Thị Đạt phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là $228.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 11.400.000 \text{ đồng}$.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 227, 228; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Điều 18, Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phưởng;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà Đặng Thị Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T số tiền nợ hụi là 228.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Đặng Thị Đ còn phải có trách nhiệm trả lãi cho bà Nguyễn Thị T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đặng Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá là 11.400.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh Đa